

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/HS-ST

Ngày: 30 - 10 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Diệm và Ông Thạch Nhị

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1995 tại Bình Phước; nơi cư trú thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; bị cáo có vợ là chị Phạm Thị D, sinh năm 1999 và 01 người con sinh năm 2016; tiền án: Không,

Tiền sự 01: Ngày 12/6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 54/2017/QĐ-TA với thời gian 12 (mười hai) tháng (Bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại theo Quyết định số 106/QĐ-TA ngày 03/01/2018). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 cho đến nay “có mặt”.

2. Võ Văn Q, sinh năm 1985 tại Trà Vinh; nơi cư trú ấp 07, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Văn S, sinh năm 1943 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1951; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2019 cho đến nay “có mặt”.

3. Nguyễn Thế C (tên gọi khác: T), sinh năm 1997 tại Thanh Hóa; nơi cư trú ấp 6, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông

Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2019 cho đến ngày 14/10/2019 được tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959; nơi cư trú tổ 01, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; nơi cư trú khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 29/5/2019, Nguyễn Xuân T đi bộ ngang qua vườn cây của gia đình bà Nguyễn Thị Thu H, thuộc tổ 02, khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước kế bên quán cà phê của anh Nguyễn Văn L, thấy không có người trông coi, T nảy sinh ý định vào trong vườn tìm kiếm cây bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T leo qua Hàng rào B40 vào bên trong nhìn thấy 01 cây mai khoảng 20 năm tuổi, loại mai nhà đã cắt ngọn, chưa tạo tán, thân cây cao 1.28m, chu vi thân (hoành) 55 cm, trồng ở cổng vào vườn. T dùng hai tay lay gốc cây mai, nhổ cây mai lên rồi vác về hàng rào xây bằng gạch ở cuối vườn, giáp với quán cà phê của anh L, do hàng rào cao một mình T không khiêng qua được nên T trèo qua hàng rào vào quán cà phê của anh L gọi Võ Văn Q, lúc này Q đang nằm ngủ trên võng trong chòi lá của anh L ra khiêng phụ cây mai, thì Q đồng ý. Khi ra tới hàng rào T leo hàng rào qua vườn của bà H, Q trèo lên đứng trên hàng rào hỏi T “cây này ở đâu mà có”, T nói “cây này em đào ở bên kia hàng rào mang qua”, lúc này Q biết cây mai do T trộm cắp ở vườn bên cạnh mà có nhưng do chỗ bạn bè quen biết nên Q giúp T khiêng cây mai đặt xuống vườn anh L, T quay lại chỗ nhổ cây mai lấy dép. Do cây nặng nên Q vào gọi Nguyễn Thế C, C đi ra hàng rào có điện sáng nên C biết cây mai không phải của vườn anh L, C hỏi Q “cây này ở đâu mà anh có”, Q nói “cây này T đào trộm ở vườn bên cạnh mang qua” lúc này C biết cây mai do T trộm cắp mà có, do bạn bè quen biết nên C đồng ý phụ Q khiêng cây. Q đỡ gốc cây đưa lên vai cho C, cây nặng C không khiêng được nên Q khiêng ở phần gốc, C dùng hai tay đỡ ở phần ngọn, khiêng vào sân, gần chuồng gà, cách tường rào khoảng 20m rồi Q và C rửa tay đi ngủ. T sau khi lấy được dép leo hàng rào qua quán anh L nằm ngủ. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, do đông người qua lại sợ bị phát hiện nên T nhờ Q lấy mảnh nilon màu đen ở quán anh L quấn cây mai lại, T và Q khiêng cây mai vào cất giấu trong chuồng gà.

Đến 12 giờ 50 phút cùng ngày bà Nguyễn Thị Thu H phát hiện mất cây mai và đến Công an phường T trình báo. Đến 13 giờ 15 phút cùng ngày, Công an phường T kiểm tra hành chính quán cà phê anh L phát hiện cây mai ở trong chuồng gà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 92/KLĐG ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng thành phố Đ kết luận: 01 cây mai khoảng 20 năm tuổi, loại mai nhà đã cắt ngọn chưa tạo tán, có kích thước cao 1.28m, chu vi thân (hoành) 55cm, tình trạng cây vẫn sống bình thường có giá 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 cây mai khoảng 20 năm tuổi, loại mai nhà đã cắt ngọn chưa tạo tán, có kích thước cao 1.28m, chu vi thân (hoành) 55cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cây mai cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Tại Bản cáo trạng số 142/CT-VKS ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Văn Q và Nguyễn Thế C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Q mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo Tuấn, Q và C tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 142/CT-VKS ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng, biên bản định giá tài sản; biên bản thu giữ tài sản; kết luận điều tra cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 03 giờ ngày 29/5/2019 lợi dụng việc bà Nguyễn Thị Thu H sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Nguyễn Xuân T đã lén lút vào vườn bà H nhổ trộm 01 cây mai khoảng 20 năm tuổi, do cây mai nặng không đưa qua hàng rào quán anh Nguyễn Văn L được nên T rủ Võ Văn Q phụ khiêng qua hàng rào, do cây nặng nên Q lại rủ Nguyễn Thế C đỡ phần ngọn cây khiêng vào sân nhà anh Lê cất giấu tài sản lấy trộm được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 92/KLĐG ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng thành phố Đ kết luận: 01 cây mai khoảng 20 năm tuổi, loại mai nhà đã cắt ngọn chưa tạo tán, có kích thước cao 1.28m, chu vi thân (hoành) 55cm, tình trạng cây vẫn sống bình thường có giá 4.000.000 đồng.

[4] Căn cứ vào Hành vi phạm tội của các bị cáo và giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo T, Q và C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và tình hình an ninh chính trị tại địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lấy trộm tài sản là hành vi sai trái và bị pháp luật nghiêm trị nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân và để hỗ trợ bạn bè mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nên cần thiết phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T: Bị cáo là người nảy sinh ý định lấy trộm tài sản và là người thực hành tích cực trong việc lấy trộm tài sản, sau khi nhổ trộm cây mai bị cáo còn rủ rê Võ Văn Q thực hiện việc đem tài sản lấy trộm được đi cất giấu. Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 12/6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 54/2017/QĐ-TA với thời gian 12 (mười hai) tháng. Vì vậy cần phải có mức hình phạt

ng nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Võ Văn Q: Sau khi được T nhờ phụ đưa cây mai nhỏ trộm đưa qua hàng rào nhà anh L bị cáo đã đồng ý và thực hành tích cực khi cùng với T khiêng cây mai qua hàng rào, đồng thời phụ T quần túi nylon cất giấu cây mai vào chuồng gà nhà anh L, vì vậy cũng cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế C: Khi được bị cáo Q nhờ khiêng cây mai vào sân nhà anh L, mặc dù biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn cùng với Q khiêng cây mai đem cất giấu, vì vậy cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, các bị cáo Q, C chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Do đó các bị cáo T, Q, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính Q địa phương). Mặc khác sau khi phạm tội bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/8/2019 đến ngày 14/10/2019, cũng đã đủ để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn L không biết các bị cáo T, Q và C trộm cắp cây mai và đem cất giấu trong chuồng gà tại quán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt ra vấn đề xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại bà Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Văn Q, Nguyễn Thế C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo T, Q và C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về Q kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- UBND xã A- P-Bình Dương;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An